

# NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VỀ KHÔNG GIAN XANH ĐÔ THỊ TẠI MỘT SỐ QUẬN, HUYỆN CỦA HÀ NỘI

DƯƠNG THỊ VÂN ANH  
NGUYỄN THANH LAM, LƯƠNG TUẤN THÀNH  
TRẦN THỊ NGỌC MAI, TRẦN VĂN TRƯỜNG

**Tóm tắt:** Không gian xanh là một phần thiết yếu của các thành phố, có chức năng sinh thái, xã hội và văn hóa thiết yếu và là biểu tượng quan trọng của một đô thị. Tuy nhiên, các đô thị ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng đang trải qua quá trình đô thị hóa mạnh mẽ khiến cho không gian xanh đô thị suy giảm. Bài báo được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng không gian xanh đô thị tại một số quận, huyện ở Hà Nội qua góc nhìn của cư dân đô thị. Kết quả cho thấy, khả năng tiếp cận không gian xanh của cư dân là khá công bằng, mức độ sử dụng và quyền lợi của cộng đồng đối với không gian xanh được cung cấp một cách bình đẳng. Kết quả nghiên cứu có thể cung cấp những thông tin quan trọng về tình hình sử dụng không gian xanh đô thị tại Hà Nội và những đóng góp của cộng đồng cho chính sách quản lý, quy hoạch đô thị trong tương lai.

**Từ khóa:** không gian xanh đô thị, nhận thức cộng đồng, quản lý đô thị, Hà Nội

## COMMUNITY AWARENESS ABOUT URBAN GREEN SPACE IN SOME DISTRICTS AND DISTRICTS IN HANOI CITY

**Abstract:** Green space plays a crucial role in cities, offering essential ecological, social, and cultural benefits and serving as a significant symbol of a city. However, cities in Vietnam in general and Hanoi in particular are undergoing a strong urbanization process, causing urban green space to decline. This article assessed the current status of urban green space in several districts in Hanoi from the perspective of urban residents regarding their use of green space. The findings indicate that residents have equitable access to green space, and the community equally benefits from and utilizes green space. These research results serve as valuable input regarding the use of urban green space in Hanoi and community's contribution to future urban planning and management policies.

**Keywords:** urban green space, public perception, urban management, Hanoi

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Định nghĩa về không gian xanh (KGX) đô thị được các nhà sinh thái học, kinh tế học, khoa học xã hội và nhà quy hoạch thống nhất: “*chúng là các không gian mở công cộng và tư nhân trong khu vực đô thị, chủ yếu được bao phủ bởi thảm thực vật trực tiếp hoặc gián tiếp cho người sử dụng*” [9]. KGX đô thị đóng một vai trò quan

trọng trong việc cải thiện sức khỏe của người dân đô thị [11], thúc đẩy các hoạt động thể chất, tương tác xã hội [4]. KGX đô thị duy trì cân bằng môi trường, phát triển cơ sở hạ tầng và tính bền vững xã hội [9], giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị [7]... Nhìn chung, những không gian này rất cần thiết cho sự phát triển đô thị bền vững và gắn liền với việc nâng cao phúc lợi của cư dân đô thị.

Tuy nhiên, KGX đô thị đang bị suy giảm do quá trình đô thị hóa nhanh, điều đó dẫn đến khả năng tiếp cận, trải nghiệm của người dân về những chức năng/dịch vụ của KGX đô thị cũng suy giảm theo.

Nhận thức của công chúng về KGX đô thị đóng vai trò quan trọng trong việc định hình quy hoạch, quản lý và sử dụng những không gian này vì lợi ích của cộng đồng đô thị. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhận thức của công chúng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như trải nghiệm giác quan, nhận thức xã hội, lợi ích sức khỏe và các mối quan tâm về môi trường [8].

Việc hiểu được nhận thức của cư dân về các lợi ích xã hội và các yếu tố thúc đẩy của KGX đô thị là rất quan trọng để thúc đẩy sức khỏe cộng đồng, công lý môi trường và phát triển đô thị bền vững [6]. Việc phân phối công bằng và khả năng tiếp cận KGX đô thị là điều cần thiết để đảm bảo rằng tất cả cộng đồng đều có thể hưởng lợi từ nguồn tài nguyên quý giá này [16]. Nhìn chung, nhận thức của mọi người về KGX đô thị là điều cần thiết để tạo ra các thành phố bền vững, cải thiện sức khỏe cộng đồng và cung cấp chất lượng cuộc sống tốt hơn cho cư dân.

Hiện nay, ở Hà Nội đã có nhiều nghiên cứu về hiện trạng và vai trò của KGX đô thị. Một số nghiên cứu đã chỉ ra KGX của đô thị Hà Nội, đặc biệt KGX công cộng lớn như công viên, vườn hoa đang bị sức ép thu hẹp dưới tác động của đô thị hóa dẫn đến sự chênh lệch đáng kể về chất lượng và phân bố các khu vực xanh trong thành phố [12]. Hiện nay, diện tích KGX đối với khu vực nội thành Hà Nội đang có xu hướng giảm đáng kể, tỷ lệ KGX trên người năm 2023 chỉ đạt 2 – 3m<sup>2</sup>/người [1]. Nhưng có ít các nghiên cứu xem xét về vai trò của KGX đô thị, mức độ sử dụng và mức độ thỏa mãn của người dân về KGX đô thị. Trong khi đó, KGX có vai trò quan trọng trong việc cải thiện môi trường,

đảm bảo sức khỏe và nâng cao tuổi thọ, chất lượng sống của người dân đô thị.

Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm: làm rõ hiện trạng phân bố cây xanh, phân tích được nhận thức, trải nghiệm của dân cư về KGX đô thị của 12 quận/huyện của thành phố Hà Nội dựa theo các dữ liệu phiếu điều tra dân cư đô thị. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng cho công tác quy hoạch, quản lý cây xanh đô thị của thành phố Hà Nội.

## **2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Cơ sở dữ liệu**

Trong nghiên cứu này, KGX đô thị được hiểu là tổng hợp của không gian cây xanh (urban green space) và không gian mặt nước (urban blue space). Do vậy, dữ liệu cây xanh nhiệt đới (đại diện cho lớp không gian cây xanh đô thị) và dữ liệu mặt nước (KGX mặt nước) được nắn chỉnh, chuyển về hệ tọa độ UTM WGS84 48N, được cắt theo ranh giới của khu vực nghiên cứu, sau đó được chồng ghép với ranh giới hành chính của 12 quận/huyện của khu vực nghiên cứu và thống kê diện tích KGX theo ranh giới của 12 quận/huyện này để xác định và tính toán phạm vi phân bố KGX đô thị của thành phố Hà Nội.

Để đánh giá độ chính xác của kết quả phân loại, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra, khảo sát thực địa KGX đô thị tại 12 quận/huyện. Thời gian khảo sát kéo dài từ ngày 01/03/2024 đến ngày 28/03/2024. Các tuyến, điểm khảo sát được tập trung vào không gian cây xanh đô thị. Tại các điểm khảo sát nhóm nghiên cứu đã tiến hành lấy tọa độ, chụp ảnh và mô tả KGX đô thị. Kết quả khảo sát cho thấy, độ chính xác của kết quả phân loại cây xanh đô thị đạt trên 95%. Kết quả này cho thấy dữ liệu KGX có độ chính xác rất cao, đủ tin cậy để đưa vào các bước phân tích tiếp theo.

Trong 408 cá nhân tham gia phỏng vấn, số người tham gia phỏng vấn là nam có 220 phiếu (chiếm 53,9%), số người tham gia phỏng vấn là nữ có 188 phiếu (chiếm 46,1%),

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

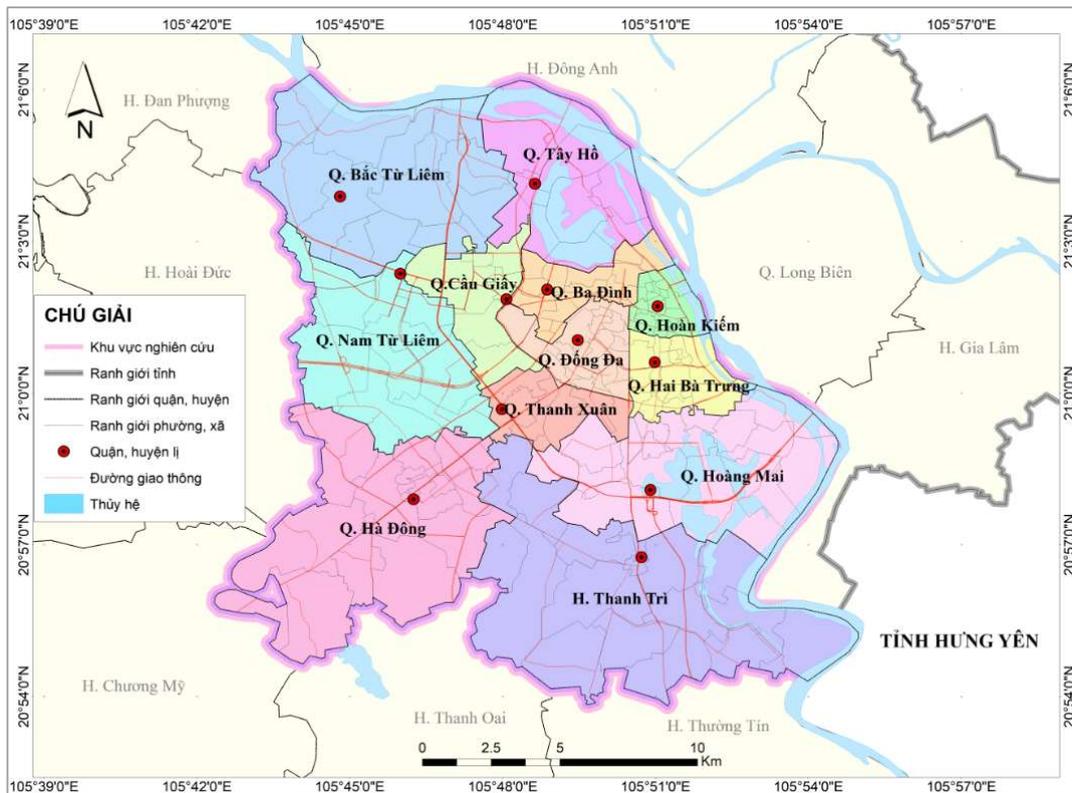
Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi thường được sử dụng trong các nghiên cứu nhận thức của người dân về KGX đô thị. Do vậy, trong nghiên cứu này, để phân tích nhận thức và trải nghiệm của người dân về KGX đô thị của thành phố Hà Nội, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi. Hình thức điều tra kết hợp cả điều tra online sử dụng google form (online survey) và điều tra trực tiếp (face to face interview). Phiếu phỏng vấn được thiết kế cấu trúc thành 3 phần, bao gồm:

- Hỏi đáp về thông tin cơ bản của người tham gia phỏng vấn;
- Mức độ hài lòng của người dân về KGX đô thị xung quanh khu vực sinh sống;
- Mong muốn của người dân nhằm cải thiện hệ thống KGX đô thị tại khu vực nghiên cứu.

Kết quả thu được 674 phiếu khảo sát, sau quá trình tổng hợp và kiểm tra dữ liệu, có 408 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích. Phản hồi từ các cuộc phỏng vấn đã được phân tích bằng cách chuyển đổi chúng thành dữ liệu tần suất và phần trăm sử dụng phân tích thống kê mô tả để hiểu nhận thức và hành vi của cư dân thành thị đối với KGX đô thị.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát khu vực nghiên cứu



Hình 1. Bản đồ khu vực nghiên cứu

Khu vực nghiên cứu gồm 11 quận trung tâm (Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Cầu Giấy,

Hà Đông, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm) và huyện Thanh Trì (Hình 1). Đây là khu vực có nhiều cây xanh đường phố và công viên lớn

(công viên Thống Nhất, công viên Hòa Bình, công viên Yên Sở, công viên Thủ Lệ, công viên Thanh Xuân...), quảng trường, vườn hoa. Ngoài ra, tại đây cũng có nhiều ao, hồ và đầm, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước, cùng với KGX tạo cảnh quan cho thành phố, là nơi cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái cho cư dân đô thị.

### **3.2. Hiện trạng phân bố không gian xanh đô thị**

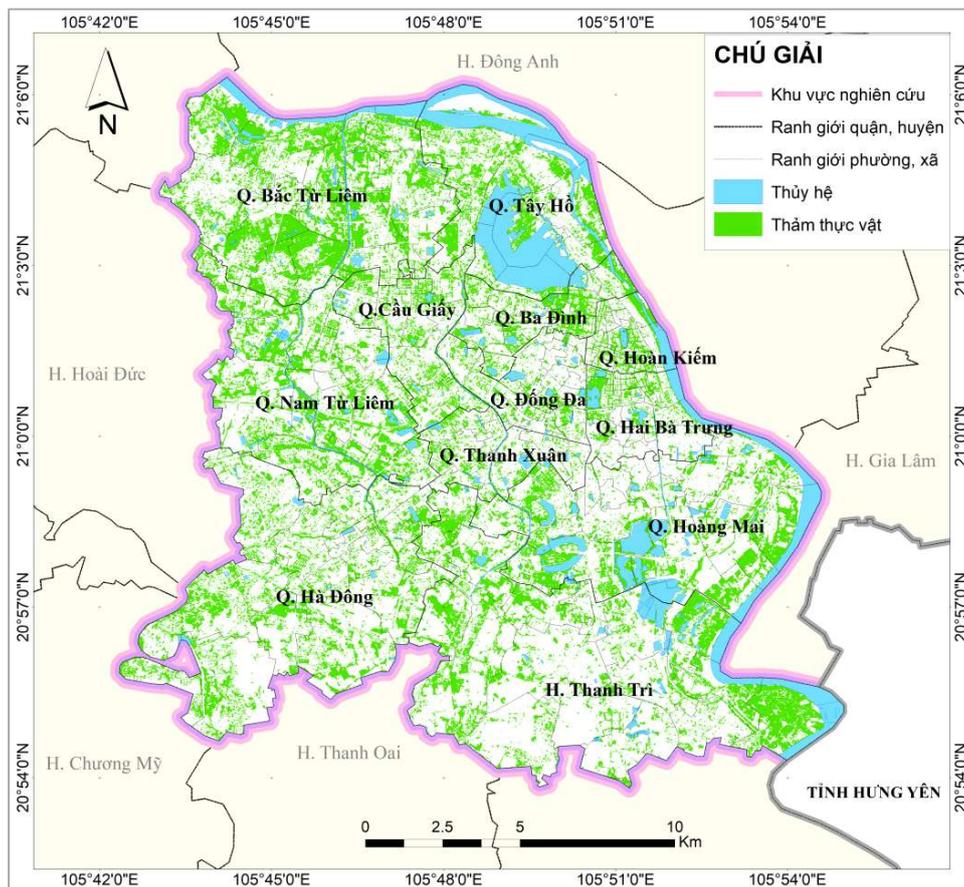
Kết quả thống kê diện tích KGX đô thị (bao gồm mặt nước và thảm thực vật) cho khu vực 12 quận, huyện của thành phố Hà Nội được trình bày tại Hình 2 và Hình 3. Nhìn chung, dựa trên

diện tích KGX có thể chia khu vực nghiên cứu thành 03 nhóm:

- Nhóm 1: có diện tích KGX lớn nhất, bao gồm quận Bắc Từ Liêm và huyện Thanh Trì, diện tích KGX lớn hơn 14 km<sup>2</sup>.

- Nhóm 2: có diện tích KGX thấp hơn nhóm 1, bao gồm: quận Hà Đông, quận Hoàng Mai, quận Nam Từ Liêm, diện tích KGX dao động trong khoảng 10-11 km<sup>2</sup>.

- Nhóm 3: các quận có diện tích KGX nhỏ nhất, bao gồm các quận Ba Đình, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Tây Hồ và Thanh Xuân, diện tích KGX dao động phổ biến từ 1,5 - 2,9 km<sup>2</sup>.



**Hình 2. Bản đồ hiện trạng phân bố không gian xanh đô thị**

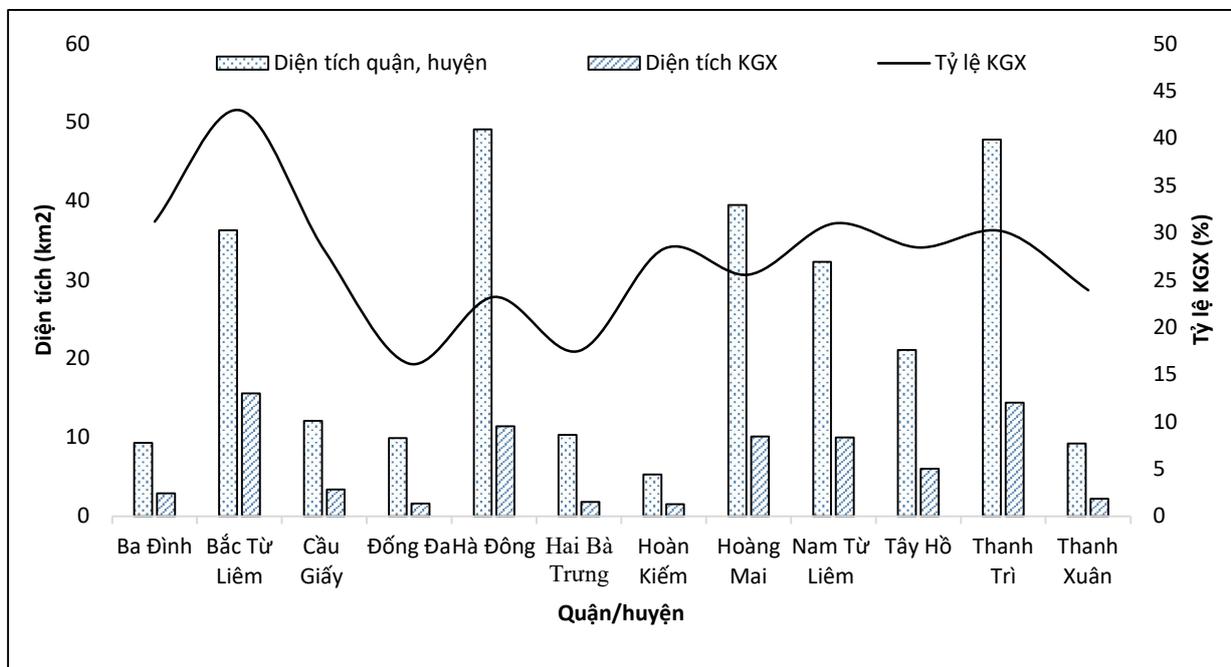
Tổng quát cho thấy, diện tích KGX ở khu vực nghiên cứu, cũng như tại TP. Hà Nội có sự phân bố rõ từ trung tâm ra ngoại vi. Diện tích KGX có xu hướng thấp ở khu vực trung tâm Hà Nội

và tăng dần ở khu vực ngoại vi - các quận mới hoặc đang được đô thị hóa mạnh. Nguyên nhân diện tích KGX tại các quận trung tâm thấp vì các quận này đều có diện tích nhỏ. Ngoài ra, các khu

vực này nằm trong lõi nội đô lịch sử, có mật độ xây dựng và mật độ dân số cao, kéo theo nhu cầu về nhà ở đô thị lớn, diện tích KGX dần bị thu hẹp. Các loại KGX chủ yếu của các quận này là cây xanh đường phố, hồ nước, công viên, vườn hoa và các thảm thực vật nhỏ khác.

Tuy vậy, xem xét dưới góc độ tỷ lệ bao phủ của KGX đô thị (tỷ lệ của diện tích KGX trên tổng diện tích của quận, huyện), độ bao phủ KGX đô thị lớn nhất ở quận Bắc Từ Liêm (42,98%), thấp nhất ở các quận Đống Đa và Hai Bà Trưng (16-18%) (Hình 3). Nhìn chung, khi

xem xét độ bao phủ của KGX đô thị, cho thấy, khu vực đô thị trung tâm của thành phố, cây xanh phân bố rải rác và chỉ tập trung vào các loại cây xanh đường phố, công viên và vườn hoa trọng điểm, các hồ lớn như Hồ Tây, Hồ Gươm và một phần của các con sông lớn chảy qua. Trong khi đó, phần diện tích ở các quận, huyện ngoại vi lại chiếm ưu thế lớn vì diện tích rộng, diện tích chưa sử dụng còn nhiều và nhiều khu đô thị mới được quy hoạch hệ thống hạ tầng (bao gồm KGX) hợp lý hơn.



Hình 3. Diện tích, phạm vi bao phủ không gian xanh của khu vực nghiên cứu

### 3.3. Nhận thức cộng đồng về không gian xanh đô thị tại khu vực nghiên cứu

#### 3.3.1. Mức độ hài lòng của cư dân về không gian xanh đô thị

(1) Sự đa dạng của các loại hình không gian xanh được cư dân hướng tới

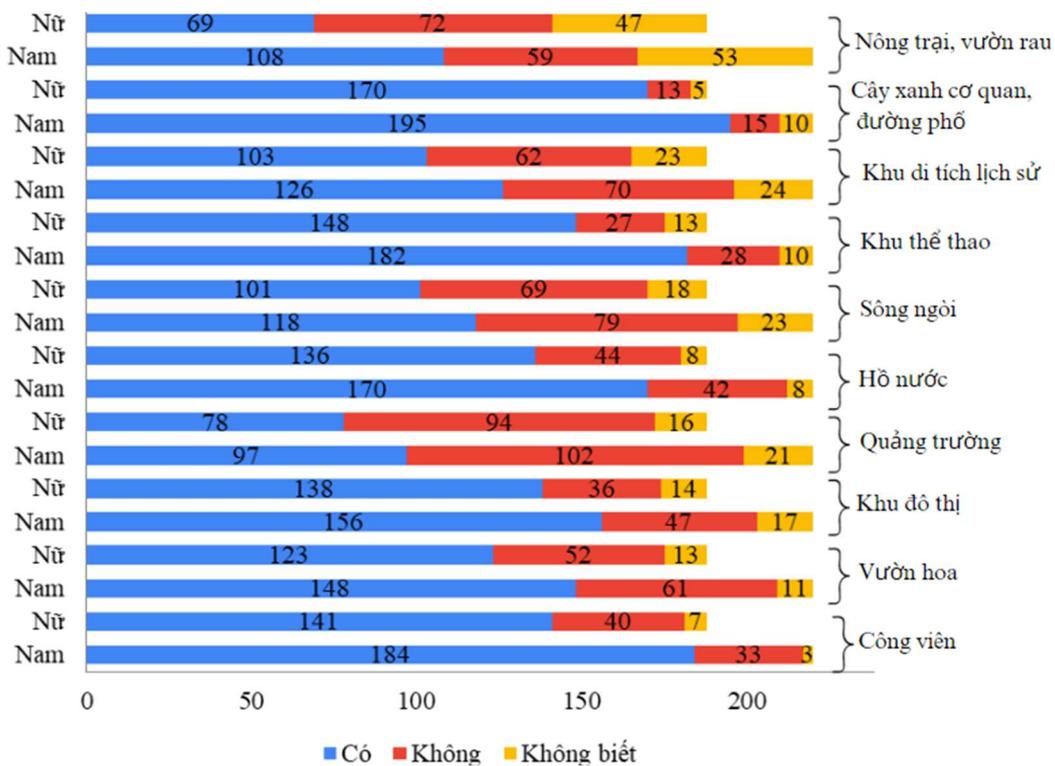
Bên cạnh khả năng tiếp cận và sử dụng KGX một cách công bằng, bình đẳng bất kể giới tính, bất kể tầng lớp, ở mọi độ tuổi, mọi ngành nghề thì còn ghi nhận sự đa dạng đến từ các loại hình KGX được cư dân hướng tới như: công viên,

vườn hoa, khu đô thị, quảng trường, hồ nước, sông ngòi, khu thể thao, cây xanh cơ quan/trường học/đường phố, vườn rau/nông trại, khu di tích văn hóa/lịch sử.

Nhìn chung, giới tính nam có xu hướng tiếp cận gần hơn các loại hình KGX so với giới tính nữ, nhiều nhất là trong tiếp cận khu thể thao, công viên và cây xanh trường học, cơ quan, đường phố lần lượt chiếm 82,7%, 83,6% và 88,6%. Sở dĩ các loại hình KGX này được giới tính nam tiếp cận nhiều hơn vì giới tính nam

thường xuyên đến các khu thể thao và công viên để rèn luyện sức khỏe. Đối với loại hình cây xanh cơ quan, đường phố, giới tính nữ có mức độ tiếp cận cao nhất so với các loại hình KGX khác (chiếm 77,3%), mức độ tiếp cận thấp hơn so với giới tính nam là 11,3%. Loại hình cây xanh cơ quan, đường phố, trường học là loại hình khá phổ biến, phân bố đều ở xung quanh cư dân đô thị, nên mức độ tiếp xúc cao (Hình 4).

Từ các loại hình KGX này cũng có thể nhận thấy sự đa dạng trong cả mục đích sử dụng của cư dân trong quá trình sử dụng các loại hình KGX. Bên cạnh việc thư giãn, ngắm nhìn thiên nhiên, hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe, tổ chức hoạt động xã hội, dành thời gian bên gia đình, bạn bè,... thì còn có học tập, làm việc, hay là nơi cung cấp thực phẩm cho cộng đồng.



Hình 4. Sự đa dạng của các loại hình không gian xanh được cư dân hướng đến

(2) Khả năng thu hút và giữ chân cư dân của các loại hình không gian xanh đô thị

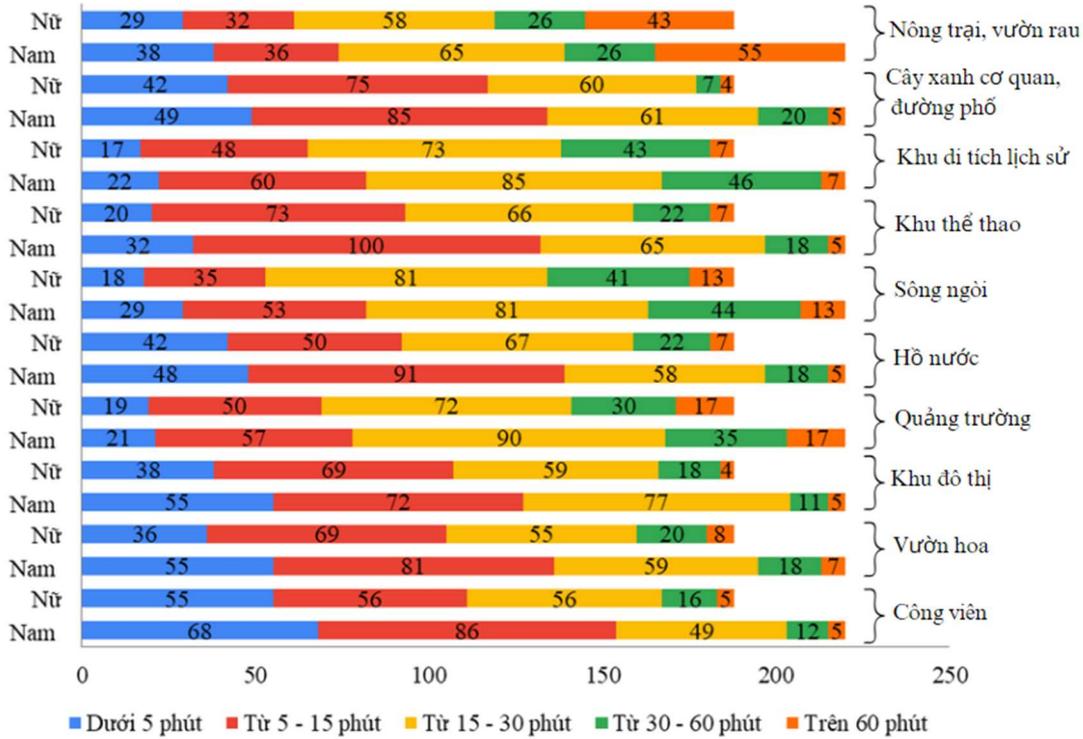
Theo kết quả khảo sát cho thấy, trong đời sống sinh hoạt và đời sống sản xuất, mỗi cư dân đều sẽ sử dụng hầu hết các loại hình KGX khác nhau với những tần suất khác nhau. Trong tất cả các loại KGX thuộc đối tượng nghiên cứu, không có bất kỳ một đơn vị nào bị bỏ hoang hay không sử dụng trong thời gian dài. Dựa trên tần suất đến các khu vực KGX của cư dân đã thu thập được thì đây là các loại hình không gian được cư dân quan tâm và ưa thích.

Thời gian cho việc di chuyển đến các địa điểm KGX cũng góp phần chứng minh khả năng thu hút và giữ chân cư dân của các loại hình KGX. Một lượng lớn cư dân đều dành từ 5 đến 15 phút cho việc di chuyển tới vị trí KGX (46,1%), con số này không sụt giảm bao nhiêu nếu thời gian phải bỏ ra từ 15 đến 30 phút (39,6%). Một số ít trường hợp sẵn sàng bỏ ra hơn 60 phút chỉ để di chuyển tới KGX ưa thích (14,3%).

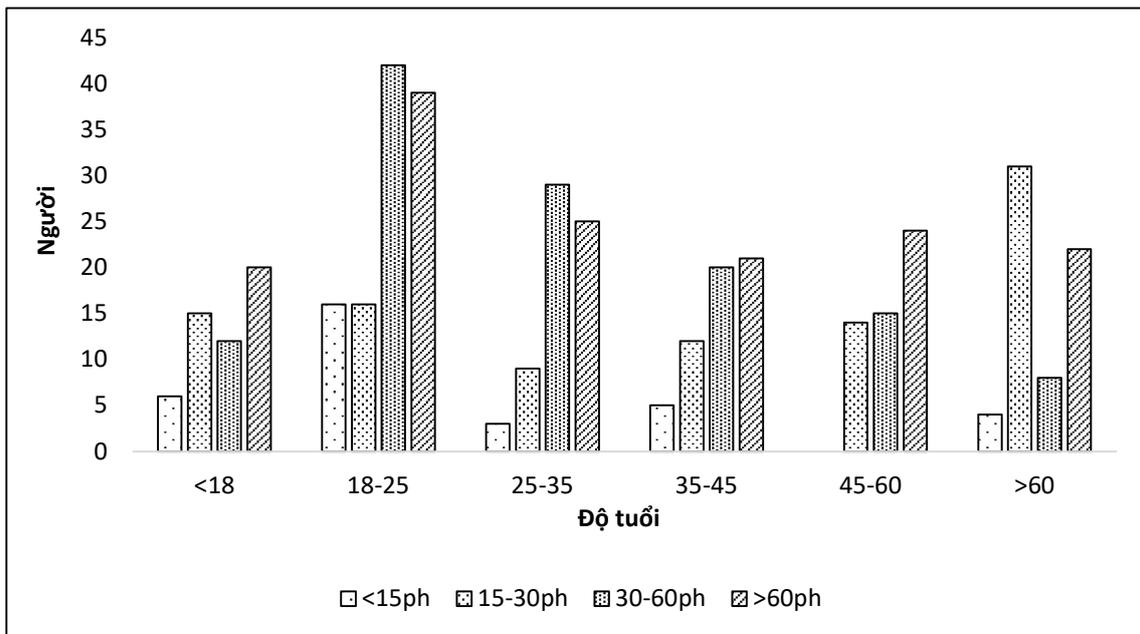
Xét về thời gian tiếp cận theo giới tính, giới tính nam và nữ tiếp cận đến hầu hết các loại hình KGX trong khoảng thời gian dưới 15 phút, cụ

thể tiếp cận nhanh nhất đến công viên, vườn hoa, hồ nước, khu thể thao và cây xanh đường phố, trường học, cơ quan. Trong đó, cả giới tính nam và nữ đều tiếp cận nhanh nhất đến cây xanh đường phố, trường học, cơ quan (giới tính nam

chiếm 60,9%, giới tính nữ chiếm 62,2%). Lý do là bởi các KGX này gồm các thảm thực vật lớn, nhỏ, cây xanh đường phố hoặc cây trồng trong vườn nên chỉ trong khoảng cách và thời gian ngắn cũng có thể tiếp cận đến.



Hình 5. Thời gian cư dân tiếp cận đến các loại không gian xanh đô thị



Hình 6. Phân bố thời gian ở lại không gian xanh theo độ tuổi

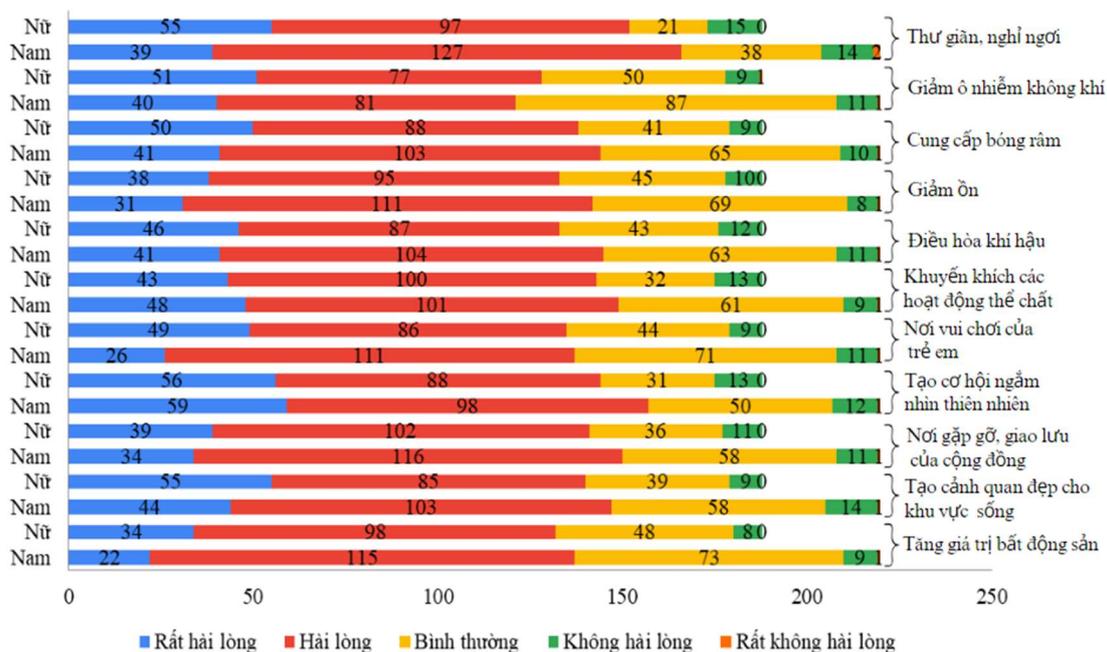
Về tiếp cận hồ nước, giới tính nam có mức độ tiếp cận trong khoảng thời gian này cao hơn nữ. Cụ thể, giới tính nam chiếm 63,2% có khả năng tiếp cận gần nhất đối với các hồ lớn, nhỏ trong nội thành, hồ trong công viên; trong khi giới tính nữ chỉ có 48,9% tiếp cận. Tương tự, trong tiếp cận khu thể thao, bởi nhu cầu rèn luyện sức khỏe và chơi thể thao nên xu hướng giới tính nam có xu hướng sống gần với các khu thể thao, nên dưới 15 phút có 60% giới tính nam tiếp cận đến loại hình KGX này.

Nhìn chung thời gian dành cho không gian xanh nhiều nhất trong lứa tuổi từ 18-25 tuổi, tương ứng với tuổi thanh niên, học sinh, sinh viên (Hình 6). Đa số người được hỏi dành trên 15 phút ở không gian xanh để hoạt động và tận hưởng không khí ở đây. Người trẻ 18-25 tuổi phần lớn dành trên 30 phút ở các không gian xanh này. Thậm chí nhiều người dành trên 60 phút ở đây.

(3) Mức độ hài lòng với các loại hình không gian xanh và các dịch vụ đi kèm

Dựa trên nhiều yếu tố đã được khảo sát và ghi nhận, có thể nhận thấy sự quan tâm của cư dân

tới KGX. Với câu hỏi khảo sát về mức độ hài lòng của cư dân đối với các tiện ích mà KGX cung cấp cũng như độ hài lòng về diện tích và chất lượng hiện tại của các loại hình KGX, có thể thấy rằng đại đa số dân cư đều hài lòng đối với hiện trạng KGX tại đô thị (chiếm 86,7%). Trong đó, cả giới tính nam và nữ đều cảm thấy hài lòng và rất hài lòng với các loại hình KGX cũng như các dịch vụ đi kèm của chúng. Tuy nhiên, mức độ hài lòng của giới tính nữ đối với các loại hình KGX cao hơn so với nam, nhưng sự chênh lệch không đáng kể. Cụ thể, với vai trò là nơi thư giãn, nghỉ ngơi của cư dân (nam 75,5%, nữ 80,9%); giảm ô nhiễm không khí (nam 55%, nữ 60,1%); cung cấp bóng râm (nam 65,5%, nữ 73,4%); điều hòa khí hậu (nam 65,9%, nữ 70,7%); khuyến khích các hoạt động thể chất (nam 67,7%, nữ 76,1%); cung cấp nơi vui chơi cho trẻ em (nam 62,3%, nữ 71,8%); tạo cơ hội ngắm nhìn thiên nhiên (nam 71,4%, nữ 76,6%); nơi gặp gỡ giao lưu của cộng đồng (nam 68,2%, nữ 75%); tạo cảnh quan đẹp cho khu vực sống (nam 66,8%, nữ 78,2%); làm tăng giá trị bất động sản (nam 62,3% , nữ 70,2%) (Hình 7).



Hình 7. Mức độ hài lòng với các loại không gian xanh và dịch vụ đi kèm

### 3.3.2. Kiến nghị của cư dân nhằm cải thiện không gian xanh đô thị

Dựa trên góc nhìn của cộng đồng cư dân, việc cấp thiết trong thời điểm hiện nay vẫn là nâng cao số lượng cũng như chất lượng của các loại hình KGX. Ngoài công tác kiến tạo và gia tăng độ đa dạng, điều mà cộng đồng quan tâm còn là khả năng đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu cũng như trải nghiệm trong quá trình sử dụng.

Một số khía cạnh có thể cải thiện như:

- Đầu tư vào hệ thống xử lý nước và nâng cao chất lượng hồ sinh thái, thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy cũng như hỗ trợ phát triển các loại hình giao thông xanh (xe đạp, đi bộ, giao thông công cộng...) nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và gia tăng không gian lưu thông;

- Tăng cường giáo dục và tuyên truyền để kích thích sự tham gia của cư dân trong việc chăm sóc và bảo vệ KGX cũng như sớm trang bị cho thế hệ trẻ những kiến thức cần thiết về tầm quan trọng của KGX;

- Tổ chức các hoạt động thiết thực từ lý thuyết đến thực tiễn, tạo cơ hội cho cộng đồng, cải thiện chất lượng các tiện ích tại KGX giúp thu hút và giữ chân người sử dụng (xây dựng các khu vui chơi cho trẻ em, kiến tạo những công cụ hỗ trợ hoạt động thể dục thể thao...);

- Khuyến khích sử dụng các phương pháp tái chế và xử lý chất thải xanh để giảm thiểu tác động của rác thải đến KGX;

- Đẩy mạnh việc kết hợp xây dựng các khu vực KGX trong các cơ sở giáo dục, tòa nhà, khoảng trống, cơ quan hành chính... để tạo ra môi trường tốt hơn cho cộng đồng.

Thông qua những kiến nghị được ghi nhận từ chính cư dân trực tiếp trải nghiệm các loại hình KGX, nhà quản lý có thể tìm được hướng đi, hướng phát triển mới cho việc nâng cao chất lượng KGX đô thị. Nhận được sự đồng thuận và ủng hộ từ cộng đồng là một

nguồn sức mạnh to lớn giúp cho những chính sách của chính quyền có thể được triển khai thuận lợi và đạt được nhiều hiệu quả. Việc Nhà nước quyết định sử dụng các nguồn lực nhằm phát triển KGX đô thị sẽ đáp ứng được đầy đủ những nhu cầu của người dân, định hướng nhận thức và xây dựng thói quen tích cực của cộng đồng trong việc tham gia sử dụng các loại hình KGX, từ đó gián tiếp cải thiện sức khỏe, đời sống tinh thần cũng như chất lượng cuộc sống của cộng đồng

## 4. KẾT LUẬN

Thành phố Hà Nội đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng, đây là một trong những thách thức lớn đối với môi trường, cảnh quan, đặc biệt là KGX đô thị. KGX đô thị trong nghiên cứu đề cập đến thảm thực vật, mặt nước và các công viên lớn; kết quả nghiên cứu cho thấy phân bố của các loại KGX này không đồng đều giữa khu vực trung tâm và ven đô; càng phía trong trung tâm, độ bao phủ KGX càng thấp, kéo theo mức độ tiếp xúc KGX thấp.

Dựa trên kết quả khảo sát có thể nhận thấy tầm quan trọng của KGX đối với đời sống của cư dân. Trên cơ sở số liệu thu thập được, khả năng tiếp cận KGX của cư dân là khá công bằng, mức độ sử dụng cũng phân bố tương đối đều ở mọi độ tuổi, ngành nghề, lĩnh vực. Quyền lợi của cộng đồng đối với KGX được cung cấp một cách bình đẳng không phân tầng lớp, thu nhập hay địa vị xã hội. Ngược lại, các loại hình KGX cũng nhận được sự quan tâm rất lớn của cộng đồng. Cư dân không chỉ để tâm đến khả năng khai thác lợi ích mà còn nhận thức được sự cần thiết trong công việc duy trì, bảo vệ và phát triển cả về diện tích cũng như chất lượng của KGX. Hơn thế nữa, nhiều đề xuất, kiến nghị của cư dân không chỉ với mục đích làm lợi cho bản thân mà còn hướng tới lợi ích cộng đồng, lợi ích môi trường, lợi ích của xã hội.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Dương Thị Lợi (2023). *Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng KGX tại các khu phố cũ ở thành phố Hà Nội*. Luận án thạc sĩ, Đại học Kiến trúc Hà Nội.
2. Aram F, Shahab S, Solgi E (2022). *Editorial: Impacts of urban green spaces on environmental perceptions and social life*. *Front. Environ. Sci.*
3. BA Revich (2023). *The significance of green spaces for protecting health of urban population*. Health risk analysis.
4. Brandt, J., Ertel, J., Spore, J., & Stolle, F. (2023). Wall-to-wall mapping of tree extent in the tropics with Sentinel-1 and Sentinel-2. *Remote Sensing of Environment*, 292.
5. Dunnett, N., Swanwick, C., Woolley, H. (2002). *The role of green space in promoting physical activity and reducing obesity*. In Proceedings of the International Conference on Urban Health (pp. 145-152). World Health Organization.
6. Elizelle, Juaneé, Cilliers. (2023). Social perceptions of the value of green spaces: A view from the South. *Frontiers in sustainable cities*.
7. Falchetta, G. and Hammad, A. T. (2023). *Tracking global urban green space trends*. EGU General Assembly 2023, Vienna, Austria, 24–28 Apr 2023, EGU23-1989,
8. Janak.P. Joshi, Bindu.M. Bhatt (2022). Public perception and use of urban green space (ugs): a study from vadodara. *Gujarat*, VOL.14, ISSUE No.4.
9. Jiao, Zhang., Danqing, Li., Shuguang, Ning., Katsunori, Furuya. (2023). Sustainable Urban Green Blue Space (UGBS) and Public Participation: Integrating Multisensory Landscape Perception. *Reviews Land*.
10. Joshi, J. P., Bhatt, B. M. (2022). *Public perception and use of urban green space (UGS): a study from Vadodara, Gujarat*. *Towards Excellence*, 14(4)
11. Haq, S. M. (2011). Urban green spaces and an inclusive society. *International Journal of Environmental Sciences*.
12. Li, Qing, Kaili Peng, Peng Cheng (2021). Community-Level Urban Green Space Equity Evaluation Based on Spatial Design Network Analysis (sDNA): A Case Study of Central Wuhan, China" *International Journal of Environmental Research and Public Health* 18, no. 19.
13. Liqin, Zhang., Huhua, Cao., Ruibo, Han. (2021). Residents' Preferences and Perceptions toward Green Open Spaces in an Urban Area. *Sustainability*, doi: 10.3390/SU13031558
14. Magdalena, and etc. (2022). Urban Parks as Perceived by City Residents with Mobility Difficulties: A Qualitative Study with In-Depth Interviews. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(4):2018.
15. MM Anwar, and etc. (2023). Urban Green Spaces Distribution and Disparities in Congested Populated Areas: A Geographical Assessment from Pakistan. *Sustainability*-Vol.15, Iss: 10, pp 8059-8059.
16. N.I. Zaznobina (2023). *The role of green spaces in the improvement of the urban population health quality (on the example of Nizhny Novgorod)*. *Samarskiy naučnyj vestnik*-Vol. 12, Iss: 1.
17. Nilkamal, and etc. (2020). Machine learning on high performance computing for urban greenspace change detection: satellite image data fusion approach. *International Journal of Image and Data Fusion*, 11(3):218-232.
18. Trihamdani, A. R., et al. (2015). Assessing the effectiveness of green spaces in reducing urban heat island in Hanoi, Vietnam using WRF and GCMs. *Landscape and Urban Planning*, 140, 335-345.
19. X., Qiao., and etc. (2018). Application of machine learning in urban greenery land cover extraction. ISPRS - International Archives of the Photogrammetry. *Remote Sensing and Spatial Information Sciences*, doi: 10.5194/ISPRS-ARCHIVES-XLII-3-1409-2018
20. Yuhong, and etc. (2022). Effects of Self-Rated Health Status on Residents' Social-Benefit Perceptions of Urban Green Space. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(16).

### **Thông tin tác giả:**

Dương Thị Vân Anh, Nguyễn Thanh Lam, Lương Tuấn Thành, Trần Thị Ngọc Mai,  
Trần Văn Trường - Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN  
Địa chỉ liên hệ: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội  
Email: vananhduong543@gmail.com; Điện thoại: 0925529079

### **Nhật ký tòa soạn**

Ngày nhận bài: 30/6/2024  
Biên tập: 10/2024